

SỞ GD & ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT XUÂN PHƯƠNG

BẢNG LƯƠNG CB , GIÁO VIÊN , CNV TRONG QUÝ LƯƠNG

Tháng 9 năm 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	HỆ SỐ LƯƠNG	PC TN VƯỢT KHUNG	PC CHỨC VỤ	PCTNNG (%)	TIỀN LƯƠNG THEO NGẠCH	TIỀN PCÁP CHỨC VỤ	TIỀN PHỤ CẤP TN VƯỢT KHUNG	TIỀN PC ƯU ĐÃI NGÀNH	TIỀN PCTNNG	PC TRÁCH NHIỆM, ĐẢNG, ĐOÀN...	CỘNG	10,5 BHXH, BHYT, BHTN	THỰC LĨNH	GHI CHÚ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Trần Trọng Hà	4.34		0.70	19%	7,812,000	1,260,000		2,721,600	1,724,400	540,000	14,058,000	1,025,658	13,032,342	
2	Lê Minh Chung	4.34			18%	7,812,000	0		2,343,600	1,405,800		11,561,400	967,869	10,593,531	
3	Trần Thanh Huyền	3.33			10%	5,994,000	0		1,798,200	599,400		8,391,600	692,307	7,699,293	
4	Nguyễn Thị Thu Hà	4.98	5%		24%	8,964,000	0	448,200	2,689,200	2,151,000		14,252,400	1,214,136	13,038,264	
5	Vũ Thị Dung	4.34			13%	7,812,000	0		2,343,600	1,015,200		11,170,800	926,856	10,243,944	
6	Lê Thị Thương	4.34			19%	7,812,000	0		2,343,600	1,485,000		11,640,600	976,185	10,664,415	
7	Bùi Thị Liên	4.00			13%	7,200,000	0		2,160,000	936,000		10,296,000	854,280	9,441,720	
8	Nguyễn Thị Thùy Dung	4.34		0.25	18%	7,812,000	450,000		2,478,600	1,486,800		12,227,400	1,023,624	11,203,776	
9	Nguyễn Thị Thanh Hương	3.99			15%	7,182,000	0		2,154,600	1,078,200		10,414,800	867,321	9,547,479	
10	Quách Huy Luyện	3.99			17%	7,182,000	0		2,154,600	1,220,400		10,557,000	882,252	9,674,748	
11	Trần Thị Hương Giang	3.66		0.25	13%	6,588,000	450,000		2,111,400	914,400		10,063,800	835,002	9,228,798	
12	Lường Thị Khay Nương	4.68			21%	8,424,000	0		2,527,200	1,769,400		12,720,600	1,070,307	11,650,293	
13	Nguyễn Thị Kim Dung	3.66		0.15	9%	6,588,000	270,000		2,057,400	617,400		9,532,800	784,917	8,747,883	
14	Phạm Thị Hồng Luyến	3.99			16%	7,182,000	0		2,154,600	1,148,400		10,485,000	874,692	9,610,308	
15	Hoàng Thị Hạnh	4.34			18%	7,812,000	0		2,343,600	1,405,800		11,561,400	967,869	10,593,531	
16	Nguyễn Thị Kim Hoa	4.34			19%	7,812,000	0		2,343,600	1,485,000		11,640,600	976,185	10,664,415	
17	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	3.99			13%	7,182,000	0		2,154,600	934,200		10,270,800	852,201	9,418,599	
18	Đinh Thị Hiện	4.00			17%	7,200,000	0		2,160,000	1,224,000		10,584,000	884,520	9,699,480	
19	Lý Đức Hưng	3.66			11%	6,588,000	0		1,976,400	725,400		9,289,800	767,907	8,521,893	
20	Bùi Thị Đan Hoài	4.98			25%	8,964,000	0		2,689,200	2,241,000	540,000	14,434,200	1,176,525	13,257,675	

21	Lê Như Nhất	4.34			17%	7,812,000	0		2,343,600	1,328,400		11,484,000	959,742	10,524,258	
22	Ngô Thị Hoa	3.66			9%	6,588,000	0		1,976,400	592,200		9,156,600	753,921	8,402,679	
23	Nguyễn Phương Thảo	3.33			11%	5,994,000	0		1,798,200	658,800		8,451,000	698,544	7,752,456	
24	Nguyễn Văn Kết	4.00			12%	7,200,000	0		2,160,000	864,000		10,224,000	846,720	9,377,280	
25	Trần Việt Hưng	4.32			19%	7,776,000	0		2,332,800	1,477,800		11,586,600	971,649	10,614,951	
26	Nguyễn Thị Thùy Vân	4.00		0.25	14%	7,200,000	450,000		2,295,000	1,071,000		11,016,000	915,705	10,100,295	
27	Nguyễn Thị Kim Nung	4.34			17%	7,812,000	0		2,343,600	1,328,400		11,484,000	959,742	10,524,258	
28	Lê Thị Phương Lan	4.98		0.25	24%	8,964,000	450,000		2,824,200	2,259,000		14,497,200	1,225,665	13,271,535	
29	Đào Thị Dân	4.00			13%	7,200,000	0		2,160,000	936,000		10,296,000	854,280	9,441,720	
30	Trần Thị Tuyết Lê	4.98		0.25	23%	8,964,000	450,000		2,824,200	2,165,400		14,403,600	1,215,837	13,187,763	
31	Nguyễn Thị Thu	3.99			14%	7,182,000	0		2,154,600	1,006,200		10,342,800	859,761	9,483,039	
32	Vương Thị Thu Hiền	4.34			9%	7,812,000	0		2,343,600	703,800		10,859,400	894,159	9,965,241	
33	Bùi Thị An	3.33			9%	5,994,000	0		1,798,200	540,000		8,332,200	686,070	7,646,130	
34	Lê Thị Tâm	4.00			15%	7,200,000	0		2,160,000	1,080,000		10,440,000	869,400	9,570,600	
35	Hà Thị Huyền	3.99			16%	7,182,000	0		2,154,600	1,148,400		10,485,000	874,692	9,610,308	
36	Nguyễn Thị Thu Hằng	4.34			19%	7,812,000	0		2,343,600	1,485,000		11,640,600	976,185	10,664,415	
37	Trần Thị Minh Tuyết	4.32		0.55	17%	7,776,000	990,000		2,629,800	1,490,400	540,000	13,426,200	1,076,922	12,349,278	
38	Trần Thị Xuyên Chi	3.66		0.25	12%	6,588,000	450,000		2,111,400	844,200		9,993,600	827,631	9,165,969	
39	Đỗ Thị Ngân	3.33			9%	5,994,000	0		1,798,200	540,000		8,332,200	686,070	7,646,130	
40	Hoàng Anh Tài	3.66			11%	6,588,000	0		1,976,400	725,400		9,289,800	767,907	8,521,893	
41	Nguyễn Thị Hải Yến	4.32			18%	7,776,000	0		2,332,800	1,400,400		11,509,200	963,522	10,545,678	
42	Trần Thị Vân Thoa	3.66			13%	6,588,000	0		1,976,400	856,800		9,421,200	781,704	8,639,496	
43	Đinh Huyền Đông	2.67				4,806,000	0		1,441,800	0		6,247,800	504,630	5,743,170	
44	Nguyễn Thị Thùy Linh	2.34				4,212,000	0		1,263,600	0		5,475,600	442,260	5,033,340	
45	Phạm Văn Tú	2.34				4,212,000	0		1,263,600	0	450,000	5,925,600	442,260	5,483,340	
46	Lê Duy Đồng	3.99			16%	7,182,000	0		2,154,600	1,148,400		10,485,000	874,692	9,610,308	
47	Phạm Thị Bích Yên	3.99			14%	7,182,000	0		2,154,600	1,006,200		10,342,800	859,761	9,483,039	
48	Cao Thị Hoa	3.99			15%	7,182,000	0		2,154,600	1,078,200		10,414,800	867,321	9,547,479	

0 TẠO
 RƯỜNG
 ỨNG H
 TÔI THÔ
 IÂN PHÚC
 ★

49	Ngô Bích Cẩm	4.32			17%	7,776,000	0		2,332,800	1,321,200		11,430,000	955,206	10,474,794	
50	Hoàng Thị Hằng	4.98			23%	8,964,000	0		2,689,200	2,061,000		13,714,200	1,157,625	12,556,575	
51	Trịnh Vũ Bảo	3.00			13%	5,400,000	0		1,620,000	702,000		7,722,000	640,710	7,081,290	
52	Nguyễn Thị Phương Thu	4.32			19%	7,776,000	0		2,332,800	1,477,800		11,586,600	971,649	10,614,951	
53	Dương Thị Vân	4.34			17%	7,812,000	0		2,343,600	1,328,400		11,484,000	959,742	10,524,258	
54	Nguyễn Thị Huyền	3.66			15%	6,588,000	0		1,976,400	988,200		9,552,600	795,501	8,757,099	
55	Hoàng Thị Huyền	3.99			15%	7,182,000	0		2,154,600	1,078,200		10,414,800	867,321	9,547,479	
56	Lê Thị Kim Thoa	3.33			11%	5,994,000	0		1,798,200	658,800		8,451,000	698,544	7,752,456	
57	Vũ Thị Hoa	4.32			17%	7,776,000	0		2,332,800	1,321,200		11,430,000	955,206	10,474,794	
58	Nguyễn Thanh Huyền	2.34				4,212,000	0		1,263,600	0		5,475,600	442,260	5,033,340	
59	Nguyễn Thị Huyền Duyên	2.66				4,788,000	0				180,000	4,968,000	502,740	4,465,260	
60	Nguyễn Thị Tơ	2.46		0.25		4,428,000	450,000					4,878,000	512,190	4,365,810	
61	Nguyễn Thị Minh Hường	3.33				5,994,000	0				360,000	6,354,000	629,370	5,724,630	
62	Lê Thị Bích Thủy	3.26				5,868,000	0				360,000	6,228,000	616,140	5,611,860	
CỘNG		242	0	3	8	435,258,000	5,670,000	448,200	125,820,000	64,238,400	2,970,000	634,404,600	52,981,569	581,423,031	
HỢP ĐỒNG THEO NĐ 68															
1	Nguyễn Thành Tuấn	2.58				4,644,000	0			0		4,644,000	487,620	4,156,380	
2	Dương Công Phúc	2.04				3,672,000	0			0		3,672,000	385,560	3,286,440	
CỘNG		5	0	0	0	8,316,000	0	0	0	0	0	8,316,000	873,180	7,442,820	
TỔNG CỘNG		246.43	0.05	3.15	8.41	443,574,000	5,670,000	448,200	125,820,000	64,238,400	2,970,000	642,720,600	53,854,749	588,865,851	

Số tiền bằng chữ : Năm trăm tám mươi tám triệu, tám trăm sáu mươi lăm ngàn, tám trăm năm mươi một đồng chẵn

KẾ TOÁN

Trần Thị Linh Hà



SỞ GD & ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT XUÂN PHƯƠNG

BẢNG LƯƠNG CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN HỢP ĐỒNG

Tháng 9 năm 2023

(Từ 01/8/2023 đến 31/8/2023)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MỨC LƯƠNG	GHI CHÚ
1	Phạm Kim Cường	Bảo vệ	4,000,000	
2	Phan Thanh Dũng	Bảo vệ	4,000,000	
TỔNG CỘNG			8,000,000	

Số tiền bằng chữ : Tám triệu đồng chẵn

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Người lập

Trần Thị Linh Hà



HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG
Trần Trọng Hà

BẢNG LƯƠNG CÁN BỘ, GIÁO VIÊN CÔNG NHÂN VIÊN HỢP ĐỒNG CHUYÊN MÔN
Tháng 9 năm 2023
(Từ 01/8/2023 đến 31/8/2023)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MỨC LƯƠNG	10,5% BHXH, BHYT, BHTN	Thành tiền	GHI CHÚ
1	Nguyễn Thị Phương Anh	NV Y tế	5,007,600	525,798	4,481,802	
2	Trần Thị Linh Hà	Kế toán	5,500,000	577,500	4,922,500	
TỔNG CỘNG			10,507,600	1,103,298	9,404,302	

Số tiền bằng chữ :Chín triệu, bốn trăm lẻ bốn ngàn, ba trăm lẻ hai đồng chẵn

Người lập

Trần Thị Linh Hà

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2023



HIỆU TRƯỞNG

Trần Trọng Hà

SỞ GD & ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT XUÂN PHƯƠNG

BẢNG KHOẢN CÔNG TÁC PHÍ
Tháng 9 năm 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MỨC CHI	GHI CHÚ
1	Trần Trọng Hà	Hiệu trưởng	500,000	
2	Trần Thị Minh Tuyết	Phó Hiệu trưởng	400,000	
3	Trần Thị Linh Hà	Kế toán	500,000	
4	Nguyễn Thị Tơ	Văn thư	500,000	
5	Nguyễn Thị Hải Yến	CT Công đoàn	200,000	
6	Nguyễn Thị Huyền Duyên	Thủ quỹ	500,000	
TỔNG CỘNG			2,600,000	

Số tiền bằng chữ : Hai triệu, sáu trăm ngàn đồng chẵn

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Người lập

Trần Thị Linh Hà



HIỆU TRƯỞNG

Trần Trọng Hà

BẢNG KHOẢN CHI PHÍ SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI
Tháng 9 năm 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MỨC CHI	GHI CHÚ
1	Trần Trọng Hà	Hiệu trưởng	500,000	
2	Trần Thị Minh Tuyết	Phó Hiệu trưởng	250,000	
3	Nguyễn Thị Tơ	Tổ trưởng	100,000	
4	Lê Thị Phương Lan	Tổ trưởng	100,000	
5	Trần Thị Tuyết Lê	Tổ trưởng	100,000	
6	Trần Thị Hương Giang	Tổ trưởng	100,000	
7	Nguyễn Thị Thùy Vân	Tổ trưởng	100,000	
8	Nguyễn Thị Thùy Dung	Tổ trưởng	100,000	
9	Trần Thị Xuyên Chi	Tổ trưởng	100,000	
10	Trần Thị Linh Hà	Kế toán	200,000	
11	Phạm Văn Tú	BT Đoàn	100,000	
12	Dương Thị Vân	Thư ký Hội đồng	100,000	
13	Nguyễn Thị Hải Yến	CT Công đoàn	100,000	
TỔNG CỘNG			1,950,000	

Số tiền bằng chữ : Một triệu, chín trăm năm mươi ngàn đồng chẵn

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Người lập

Trần Thị Linh Hà

HIỆU TRƯỞNG

Trần Trọng Hà

SỞ GD & ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT XUÂN PHƯƠNG

BẢNG CÁC KHOẢN PHỤ CẤP KHÁC
Tháng 9 năm 2023

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NỘI DUNG	MỨC CHI	GHI CHÚ
1	Dương Công Phúc	Bảo vệ	Hỗ trợ kinh phí tăng cường bảo vệ ca sáng	1,500,000	
2	Nguyễn Thành Tuấn	Bảo vệ	Hỗ trợ kinh phí tăng cường bảo vệ ca sáng	1,500,000	
3	Nguyễn Thị Huyền Duyên	Thủ quỹ	Hỗ trợ Quản lý kho nước uống	300,000	
4	Phan Thanh Dũng	Bảo vệ	Hỗ trợ kinh phí tăng cường bảo vệ	200,000	
5	Trần Thị Minh Tuyết	P Hiệu trưởng	Phụ trách tham vấn tâm lý	500,000	
6	Dương Thị Vân	Giáo viên	Phụ trách Website và các việc liên quan tới CNTT	3,000,000	
TỔNG CỘNG				7,000,000	

Số tiền bằng chữ : Bảy triệu đồng chẵn.

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Người lập

Trần Thị Linh Hà



HIỆU TRƯỞNG

Trần Trọng Hà

SỞ GD & ĐT HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT XUÂN PHƯƠNG

BẢNG KHOẢN PHỤ CẤP KIỂM NHIỆM

Tháng 9 năm 2023

(Từ 01/8/2023 đến 31/8/2023)

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	MỨC CHI	GHI CHÚ
1	Trần Thị Linh Hà	Tổ chức cán bộ	1,000,000	
2	Nguyễn Thị Minh Hương	Tổ chức cán bộ	2,000,000	
TỔNG CỘNG			3,000,000	

Số tiền bằng chữ : Ba triệu đồng chẵn.

Hà Nội, ngày 6 tháng 9 năm 2023

Người lập

Trần Thị Linh Hà

HIỆU TRƯỞNG



Trần Trọng Hà